

Số: 5847.../CHKNB-ĐHSB

Hà Nội, ngày 13 tháng 9 năm 2024

V/v: Mời Báo giá

Kính gửi: Đơn vị cung cấp/ Doanh nghiệp

Cảng hàng không quốc tế Nội Bài đang có nhu cầu triển khai thực hiện hạng mục: “Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ 02 xe cứu hỏa Rosenbauer năm 2024 – Cảng HKQT Nội Bài”. Chúng tôi trân trọng kính mời Quý đơn vị/doanh nghiệp có đủ năng lực, kinh nghiệm cung cấp báo giá cụ thể như sau:

1. Tên hạng mục: Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ 02 xe cứu hỏa Rosenbauer năm 2024 – Cảng HKQT Nội Bài

2. Nội dung chính của hạng mục: Sửa chữa, thay vật tư phụ tùng 02 xe cứu hỏa Rosenbauer và bảo dưỡng cấp IV (48 tháng) theo tiêu chuẩn chính hãng.

3. Mục đích báo giá: Để có cơ sở lập dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Cảng hàng không quốc tế Nội Bài kính mời các đơn vị/doanh nghiệp, nhà cung cấp có nhu cầu quan tâm khảo sát (nếu cần) và cung cấp báo giá cho chúng tôi.

4. Thời gian nhận báo giá: Trước 16h.00 ngày 18/09/2024

5. Thông tin tiếp nhận báo giá:

- Tên đơn vị nhận báo giá: Trung tâm Điều hành sân bay Nội Bài - Cảng hàng không quốc tế Nội Bài

- Địa chỉ: Sân bay quốc tế Nội Bài – xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn – TP. Hà Nội

- Số điện thoại liên hệ: 090.791.8668 (Mr Nam)

- Email: dhsb.han@acv.vn (các đơn vị/nhà cung cấp có thể gửi file scan bản báo giá qua email trên).

Trân trọng thông báo. ✓

TL.GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM ĐHSB NỘI BÀI

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- Lưu ĐHSB;



Dinh Đăng Định

PHỤ LỤC
MẪU BÁO GIÁ

Kính gửi: Cảng hàng không quốc tế Nội Bài

Theo yêu cầu của Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, chúng tôi, Công ty _____ báo giá cho dự án/ hạng mục “Sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ 02 xe cứu hỏa Rosenbauer năm 2024 – Cảng HKQT Nội Bài” như sau:

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	P/N	Nguồn gốc, xuất xứ	Bảo hành	SL	Đvt	Đơn giá (VND)	Tổng số (VND)	VAT
A	XE PANTHER C45 BKS HANI 21-9001								
I	PHỤ TÙNG SỬA CHỮA								
1	Moment xoắn (CIAMP-constant torque)	M80025			2	Cái			
2	Ống turbo (Charge air hose)	M81955			1	Cái			
3	Ốc vặn turbo (Clamp 97-103)	541563			1	Cái			
4	Khớp bi cho thanh giằng lái trái (Ball joint for steering rod left-hand thread) M30x1,5	890708			1	Cái			
5	Khớp bi cho thanh giằng lái phải (Ball joint for steering rod right-hand thread) M30x1,5	890709			1	Cái			
6	Pin (Split pin)	3873			2	Cái			
7	Khớp bi cho thanh giằng phải (Ball joint for rod right hand thread) 38mm	34774A			1	Cái			
8	Khớp bi cho thanh giằng trái (Ball joint for rod left hand thread) 38mm	34775A			1	Cái			
9	Khớp bi cho xy lanh lái (Ball joint for steering cylinder)	05227A			2	Cái			
10	Van 5/2 (Way valve 5/2 pneum. Control)	537766			1	Cái			
11	Thanh V (V-rod)	59382A			2	Thanh			
12	Tay nắm trái (cửa lên nóc xe) (Handle left)	977850			1	Cái			
13	Tay nắm phải (cửa lên nóc xe) (Handle right)	977851			1	Cái			
14	Telescopic arm (cửa lên nóc xe)	547281			2	Cái			
15	Mô tơ chum xòe (Lifting spindle drive)	81135A-001			1	Cái			

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	P/N	Nguồn gốc, xuất xứ	Bảo hành	SL	Đvt	Đơn giá (VND)	Tổng số (VND)	VAT
16	Van hồi (Non return valve for wiper system)	57440A			1	Cái			
17	Vòng đệm cho bể chứa (Gasket for manhole) NW450	9385			2	Cái			
18	Bộ sạc chuyển đổi (Charging control 24V/12V-6A)	82474A			1	Cái			
19	Xy lanh khí nén (Double acting pneumatic cylinder iso) d=40, h=160mm	73750			1	Cái			
II	VẬT TƯ BẢO TRÌ BẢO DƯỠNG								
1	Bộ kit cho xe Panther 6x6 CA5 hàng năm (Service kit for Panther 6x6 CA5 yearly – Wabco)	856341-001			1	Bộ			
1.1	Lọc dầu động cơ (Engine oil filter element)	M82172			2	Cái			
1.2	Làm khô không khí (Airdryer catridge)	567879			3	Cái			
1.3	Lọc nhiên liệu (Fuel filter element)	M82171			1	Cái			
1.4	Tách nước (Filter-water/fuel seperator filter catridge)	545699			1	Cái			
1.5	Mỡ bôi trơn cửa sập (Roller shutter grease)	29947			1	Hộp			
1.6	Mỡ (Grease mobil SHC polirex 222)	86896A			2	Hộp			
1.7	Mỡ (Grease, water-repellent)	55458			1	Kg			
1.8	Thanh gạt nước (Wiper blade 800mm)	62737			3	Cái			
1.9	Thanh gạt nước 450 mm (Wiper blade 450mm)	541138			1	Cái			
2	Bộ kit cho xe Panther 6x6 CA05 mỗi 2 năm (Service kit for Panther 6x6 CA5 C18 T3 every 2 year)	856341-009			1	Bộ			
2.1	Bộ lọc không khí (Filter element air Cleaner)	864907			1	Cái			
2.2	Lọc dầu hộp số (Transmission oil filter , Donaldson, Twin Disc)	05683A			1	Cái			
2.3	Vòng đệm (Seal ring 16x20)	891909			14	Cái			
2.4	Vòng đệm (Seal ring 24x30)	891910			12	Cái			
2.5	Vòng đệm (Seal ring 42x49)	891911			4	Cái			
2.6	Vòng đệm (Seal ring 30x36)	9567			4	Cái			
3	Bộ kit cho bơm mồi (Service kit for priming pump)	98516			1	Bộ			

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	P/N	Nguồn gốc, xuất xứ	Bảo hành	SL	Đvt	Đơn giá (VND)	Tổng số (VND)	VAT
3.1	Van (VALVE PLATE)	019218-001			2	Cái			
3.2	Vòng đệm (O-ring 122,00 X 2,00)	52595			2	Cái			
3.3	Vít chìm, đầu phillip (Countersunk screw, phillips head)	85240			2	Cái			
3.4	Gioăng (Washer DIN 125)	14917			2	Cái			
3.5	Lục giác (Hex nut M6 DIN934 A4)	15054			2	Cái			
4	Dây cu roa (Belt)								
4.1	Dây curoa ZR 240L 075 (Tooth belt ZR 240 L 075)	9622			1	Dây			
4.2	Dây curoa 1-1/8" x 110-3/4" (28mm x 2814mm) (Belt-ribbed 8rib 1-1/8" x 110-3/4" 28mm x 2814mm)	91994A			1	Dây			
4.3	Dây curoa 05 c18 napa no.25-100852 (Belt-ribbed 10rib design 95 c18 napa no. 25-100852)	544116			1	Dây			
5	Dầu nhớt (oil)								
5.1	Nhớt hộp số bơm mồi (Priming Pump gearbox oil)	SAE90			3	Lít			
5.2	Nhớt bơm mồi (Priming Pump oil):	SAE30			3	Lít			
5.3	Nhớt động cơ (Engine oil)	SAE 15W-40			42	Lít			
5.4	Nhớt cầu (Differentials)	SAE 80W-90			59	Lít			
5.5	Nhớt trục (Planetaries)	SAE 80W-90			4	Lít			
5.6	Nước làm mát (oil coolant)	CAT EC-1 (50/50%) 205-6613V			70	Lít			
5.7	Nhớt hộp số trục (transmission oil)	SAE 10W			79	Lít			
5.8	Nhớt cho hệ thống lái (Steering)	Shell Donatex/Dextron II			21	Lít			
B	XE PANTHER A146 BKS HANI 21-9002								
I	PHỤ TÙNG SỬA CHỮA								
1	Cảm biến tốc độ vào (Transmission pick up, Speed sensor transmission main)	M82389			2	Cái			

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	P/N	Nguồn gốc, xuất xứ	Bảo hành	SL	Đvt	Đơn giá (VND)	Tổng số (VND)	VAT
2	Đầu foam (Foam barrel RM80C MJ14 assy)	871465-001			1	Cái			
3	Phần chuyển hướng của lăng trên nóc xe (Deflektor operation)	891509V001			1	Cái			
4	Mô tơ 100%/50% (Lifting spindle drive) 2500N	864326-001			1	Cái			
5	Hệ thống bôi trơn trung tâm (Central lubrication system)	19225A			1	Cái			
6	Công tắc áp suất (Pressure switch) M12 x 1,5	15861B			1	Cái			
7	Khớp bi cho thanh giằng trái (Ball joint for rod left hand thread)	34959A			1	Cái			
8	Khớp bi cho thanh giằng phải (Ball joint for rod right hand thread)	34957A			1	Cái			
9	Khớp bi cho lái trái (Ball joint for steering link left hand thread)	05304A			1	cái			
10	Khớp bi cho lái phải (Ball joint for steering link right hand thread)	05305A			1	Cái			
11	Khớp bi cho xy lanh lái (Ball joint for steering cylinder)	08576B			4	Cái			
12	Liên kết ổn định trục sau (Stabilizer link, rear axle)	858985			4	Cái			
II	VẬT TƯ BẢO TRÌ BẢO DƯỠNG								
1	Bộ kit cho xe Panther Volvo A146 hàng năm	17454A-001			1	Bộ			
1.1	Bộ kit cho xe Panther Volvo A146 hàng năm	17454A-001			1	Bộ			
1.2	Lọc dầu động cơ (Engine oilfilter volvo engine)	854715			2	Cái			
1.3	Lọc dầu thô động cơ (Engine oilfilter bypass volvo engine)	854717			1	Cái			
1.4	Lọc nhiên liệu sơ cấp (tách nước) (Fuel filter primary (water separator) volvo engine)	854719			1	Cái			
1.5	Lọc nhiên liệu thứ cấp (Fuel filter secondary volvo engine)	854718			1	Cái			
1.6	Lọc khô không khí (Airdryer cartridge)	567879			3	Cái			
1.7	Lọc khí (Airfilter Volvo engine, A14)	31315B			1	Cá			

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	P/N	Nguồn gốc, xuất xứ	Bảo hành	SL	Đvt	Đơn giá (VND)	Tổng số (VND)	VAT
1.8	Mỡ trục lăn (Roller shutter grease Barrel 250g)	29947			1	Hộp			
1.9	Mỡ (Grease mobil SHC polirex 222)	86896A			2	Hộp			
1.10	Mỡ chống nước (Grease, water-repellent)	55458			1	Kg			
1.11	Gạt nước trước mũi xe WIPER BLADE 1000 MM B160 39" FRONT SCREEN	895770			3	Cái			
2	Bộ kit cho xe Panther Volvo A146 mỗi 2 năm	17454A-002			1	Bộ			
2.1	Lưới lọc Ad blue (AdBlue sieve volvo engine)	855903			1	Cái			
2.2	Lọc ad blue (AdBlue Filter volvo engine)	855902			1	Cái			
2.3	Lọc dầu truyền động (Transmission oil filter Donaldson, Twin Disc)	05683A			1	Cái			
2.4	Vòng đệm (Seal ring) 16 x 20	891909			14	Cái			
2.5	Vòng đệm (Seal ring) 24 x 30	89191			12	Cái			
2.6	Vòng đệm (Seal ring) 42 x 49	891911			4	Cái			
2.7	Vòng đệm (Seal ring 30 x 36	9567			4	Dây			
2.8	Lọc không khí(Air Cleaner Pad A14X)	Air Cleaner Pad A14X			1	cái			
3	Bộ kit cho Panther hệ thống lái mỗi 4 năm	856342-008			1	Bộ			
3.1	Bộ lọc lái hệ thống 2 mạch (Steering filter 2 circuit system)	860546			2	Cái			
4	Bộ kit cho dây curoa Panther Volvo A146	52595			1	Bộ			
4.1	Đai V bơm nước (V-belt Panther waterpump)	18119A			1	Dây			
4.2	Đai V máy phát điện (V-belt Panther/Alternator, AC)	867647			1	Dây			
4.3	Đai V cánh quạt (V-belt / fan drive)	18979A			1	Dây			
5	Bộ kit cho bơm mỗi	98515			1	Bộ			
5.1	Tấm van VALVE PLATE SIZE 100	046454-001			2	cái			
5.2	Tấm van INLET VALVE PLATE	074518-001			2	Cái			
5.3	Washer	046455-001			2	Cái			

Stt	Tên hàng hóa, dịch vụ	P/N	Nguồn gốc, xuất xứ	Bảo hành	SL	Đvt	Đơn giá (VND)	Tổng số (VND)	VAT
5.4	Vít chìm đầu phillip (Countersunk screw, philips head)	85234			2	Cái			
5.5	Đai ốc (Hex nut M5 DIN 985 steel galvanized)	15084			2	Cái			
5.6	Vòng đệm (O-ring) 24,00 X 3,00	14265			2	Cái			
5.7	Vòng đệm (O-ring) 110 x 3 / B70	14341			2	Cái			
5.8	Dây curoa 13x800mm	532139			1	Cái			
6	Dầu nhớt								
6.1	Nhớt hộp số bơm mồi (Priming Pump gearbox oil)	SAE90			3	Lít			
6.2	Nhớt bơm mồi (Priming Pump oil):	SAE30			3	Lít			
6.3	Nhớt động cơ (Engine oil)	SAE 15W-40			48	Lít			
6.4	Nhớt cầu (Differentials)	SAE 75W-90			61	Lít			
6.5	Nhớt trục (Planetaries)	SAE 75W-90			4	Lít			
6.6	Nước làm mát (oil coolant)	Volvo Penta coolant			95	Lít			
6.7	Nhớt hộp số trục (transmission oil)	SAE 10W			95	Lít			
6.8	Nhớt cho hệ thống lái (oil for steering system)	ATF			23	Lít			
	Tổng cộng trị giá hàng hóa (đồng)								
	Chi phí sửa chữa, lắp đặt, thay thế do kỹ sư Hãng thực hiện								
	Thuế VAT (8%)								
	Thuế VAT (10%)								
	TỔNG CỘNG GIÁ TRỊ HÀNG HÓA, VẬT TƯ VÀ CHI PHÍ LẮP ĐẶT, SỬA CHỮA, BẢO TRÌ BẢO DƯỠNG ĐÃ BAO GỒM VAT CHO CẢ 02 XE								

Bằng chữ:

Các điều kiện thương mại:

1. Hình thức hợp đồng: Trọn gói.
2. Thời hạn cung cấp hàng hóa, dịch vụ: Trong vòng ____ ngày.
3. Điều kiện thanh toán / tạm ứng:
 - Tạm ứng: Nhà thầu có thể tạm ứng hoặc không tạm ứng; Trong trường hợp Nhà thầu có nhu cầu tạm ứng thì mức tạm ứng tối đa là 20% giá trị hợp đồng và Nhà thầu phải nộp bảo lãnh tiền tạm ứng. Việc thu hồi tiền tạm ứng sẽ được khấu trừ khi thanh toán.
 - Thanh toán: Thanh toán 100% giá trị phần công việc được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu công việc hoàn thành và hồ sơ quyết toán.
 - Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.
4. Địa điểm thực hiện: Cảng hàng không quốc tế Nội Bài
5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: (tối thiểu 60 ngày) ngày kể từ ngày __/__/__.

Đại diện Công ty

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

